

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2024/KDTM**.

Ngày: 23/12/2024

V/v “tranh chấp HĐ mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Sang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-KDTM, ngày 25 tháng 10 năm 2024. Về tranh chấp “**Hợp đồng mua bán hàng hóa**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2024/QĐXXST, ngày 02 tháng 12 năm 2024. Giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Công ty TGN**

Trụ sở: 46-48 N C T, Phường A L Đ, thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.
(BL 30)

Đại diện pháp luật: Ông **Trần Anh Đ**, SN 1981

Đại diện theo ủy quyền:

- Bà **Phan Thị Mỹ N**, SN 1998 (SĐT 0938 255 593) (Có mặt)

- Bà **Nguyễn Thị Phương L**, SN 2000 (SĐT 0902 483 365) (Có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số: 85/2024/UQ ngày 30/7/2024.

2/ Bị đơn: **Công ty TPL**

Trụ sở: M7, đường số 9, khu dân cư N T S, phường P T, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. (BL 49-50)

Đại diện pháp luật: Ông **Lê Mạnh H**, SN 1980

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: M7, đường số 9, khu dân cư N T S, phường P T, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty TGN trình bày:

Công ty TGN (viết tắt Công ty TGN) và Công ty TPL (viết tắt Công ty TPL) có ký **Hợp đồng kinh tế số 0501/2021/HĐKT/TGN** ngày 05/01/2022, thời hạn hợp đồng từ ngày 05/01/2022 đến khi hợp đồng được thanh lý (BL 24-28).

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số 0501/2021/HĐKT/TGN ngày 05/01/2022, Công ty TGN đã cung cấp (bán) bê tông thương phẩm cho Công ty TPL với số lượng cụ thể theo các **Phụ lục Hợp đồng 01** số 272/2022/PL/TGN ngày 01/02/2022, **Phụ lục Hợp đồng 02** số 450/2022/PL/TGN ngày 01/4/2022, **Phụ lục Hợp đồng 03** số 1154/2022/PL/TGN ngày 15/8/2022, **Phụ lục Hợp đồng 04** số 1275/2022/PL/TGN ngày 09/10/2022, **Phụ lục Hợp đồng 05** số 72/2023/PL/TGN ngày 01/01/2023, **Phụ lục Hợp đồng 06** số 566/2023/PL/TGN ngày 01/7/2023. (BL 08-23).

Tổng số tiền phải thanh toán là 5.799.725.617 đồng (Năm tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm mười bảy đồng). Nhưng Công ty TPL chỉ thanh toán được 5.628.234.252 đồng (Năm tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng) còn nợ lại chưa thanh toán 171.491.365 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng). Số tiền hàng hóa còn nợ này đã được hai bên xác nhận theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/3/2024. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và nhắc nhở để yêu cầu thanh toán nhưng phía bị đơn luôn lẩn tránh và không thanh toán tiền hàng hóa còn nợ.

Nhận thấy, Công ty TPL đã vi phạm Hợp đồng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hàng hóa còn thiếu là: **171.491.365 đồng** (Một trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) và tiền lãi 1,5%/tháng tính đến ngày 02/12/2024 là 41.785.912 đồng (BL 75-76). Tổng cộng, Công ty TPL có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền tạm tính là: **213.277.277 đồng** (Hai trăm mười ba triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi bảy đồng) và yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi do chậm thanh toán 1,5%/tháng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn **Công ty TPL** cố tình vắng mặt không đến. Sau khi tiến hành các thủ tục cần thiết, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền hàng còn nợ là **171.491.365 đồng** (Một trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán sau 45 ngày xuất hóa đơn đối với các hóa đơn còn nợ tiền cho đến ngày xét xử 23/12/2024 với mức lãi suất 1,5%/tháng, số tiền 43.586.571 đồng (Bốn mươi ba triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng). Trong giai đoạn thi

hành án nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì vẫn tiếp tục yêu cầu trả lãi chậm thanh toán 1,5%/tháng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đại diện bị đơn **Công ty TPL** có mặt thừa nhận và đồng ý trả số nợ 171.491.365 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/3/2024. Nhưng bị đơn trình bày nợ này phát sinh ngoài Hợp đồng kinh tế số 0501/2021/HĐKT/TGN ngày 05/01/2022 nên không đồng ý trả lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc thỏa mua bán bê tông thương phẩm giữa các đương sự được lập văn bản thể hiện bằng Hợp đồng kinh tế số 0501/2021/HĐKT/TGN ngày 05/01/2022 (BL 24-28). Nguyên đơn đã thực hiện việc bán và giao hàng hóa theo thỏa thuận. Bị đơn đã nhận hàng nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán tiền mua hàng hóa cho nguyên đơn. Và đến ngày 31/3/2024 hai bên cũng đã đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền **171.491.365 đồng** (Một trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) (BL 77). Do các bên không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp; cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Nên đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh, thương mại về “Hợp đồng mua bán hàng hóa” được ngành Luật thương mại và Luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là **Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/3/2024 (BL 77 - bản gốc)** do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký và đóng dấu của cả hai bên. Theo đó thì **Công ty TPL** do ông Lê Mạnh H đại diện còn nợ lại **Công ty TGN** số tiền mua bê tông thương phẩm là **171.491.365 đồng** (Một trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng).

[3] Bị đơn đã được nhận hàng nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng, cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Theo xác nhận của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư TP Cần Thơ thì công ty vẫn chưa đăng ký thay đổi hoạt động tại địa chỉ M7, đường số 9, khu dân cư Nông Thổ Sản, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (BL 49-50); và xác minh tại Bảo hiểm xã hội quận Cái Răng thì Công ty còn hoạt động và đang tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động tại địa chỉ trên cho 03 lao động (BL 39-41).

[4] Tại địa chỉ này, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng bị đơn vẫn không liên hệ giải quyết vụ kiện. Tại tòa hôm nay, đại diện bị đơn cũng thừa nhận số nợ này và có ký Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/3/2024. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ mua bê tông thương phẩm **171.491.365 đồng** (Một trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 50, Điều 55 Luật thương mại và Điều 440 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất do chậm thanh toán: Theo qui định tại Điều 306 Luật thương mại thì lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán được tính theo Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, **trừ trường hợp có thỏa thuận khác...** Tại mục 3.2 và 3.4 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 0501/2021/HĐKT/TGN ngày 05/01/2022 có thỏa thuận “Bên B thanh toán 100% giá trị cho bên A trong vòng 45 ngày kể từ ngày đổ bê tông ... Trong trường hợp có nợ quá hạn, bên A có quyền tạm ngưng cung cấp hàng cho bên B cho đến khi nhận được thanh toán của bên B, và bên B sẽ phải trả lãi suất nợ quá hạn là **1,5%/tháng** cho các hóa đơn chưa thanh toán”. Như vậy nghĩa vụ thanh toán của bị đơn được xác định là 45 ngày sau khi xuất hóa đơn nên lãi suất do chậm thanh toán 1,5%/tháng cũng được tính từ ngày này. Căn cứ vào **Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/3/2024** và các hóa đơn GTGT số 00001546, 00002880, 00002941 kèm theo Bảng tính lãi trả chậm thanh toán (BL 3-6, 75, 92); Nên yêu cầu về lãi của nguyên đơn theo số nợ gốc và thời gian tính lãi do chậm thanh toán là có cơ sở chấp nhận toàn bộ. Cụ thể lãi suất bị đơn phải chịu là **43.586.571 đồng** (Bốn mươi ba triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng).

[6] Trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì nguyên đơn vẫn yêu cầu trả lãi chậm trả theo qui định của pháp luật. Cho nên trong giai đoạn thi hành án nếu phía bị đơn chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo thỏa thuận là 1,5%/tháng tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Thỏa thuận này phù hợp với qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[7] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[8] Bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện 171.491.365 đồng + 43.586.571 đồng = 215.077.936 đồng. Nên án phí là 5% (215.077.936 đồng) = **10.753.500 đồng** (Mười triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 147, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 24, 50, 55 và 306 Luật thương mại;
- Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TGN. Buộc bị đơn **Công ty TPL** do ông Lê Mạnh H đại diện có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty TGN** số tiền nợ mua hàng hóa là 171.491.365 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là 43.586.571 đồng (Bốn mươi ba triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng). Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là **215.077.936 đồng** (Hai trăm mười lăm triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi sáu đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất chậm trả theo thỏa thuận là 1,5%/tháng tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2/ Nguyên đơn **Công ty TGN** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **5.053.200 đồng** (Năm triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm đồng) theo biên lai số 0003804 ngày 18/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn **Công ty TPL** do ông Lê Mạnh H đại diện phải chịu **10.753.500 đồng** (Mười triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q. Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

